

Bài 131. Kinh Tăng Chi | Chương Năm pháp | Phẩm Vua (tt) | Sư Giác Nguyên giảng 21/10/2018

Hôm nay chúng ta học tiếp kinh 135. Nội dung kinh này Đức Phật nói đến vị thái tử: nếu có đủ 5 điều kiện sau thì không có lý do gì mà không tin tưởng việc được trao ngai vàng.

Các vị từng học sử Việt Nam thì biết rằng nhà Nguyễn có những vị vua mà điều kiện duy nhất để trao ngai vàng là con của vua. Nếu tôi nhớ không lầm thì vua Thành Đức hay... Thành... bị mắt kém, khả năng bị mù rất lớn. Vua bị mù thì rất khó khăn trong việc điều động chính sự. Có vị thì khi vua cha còn sống, còn làm thái tử thì sống trác táng, rượu chè. Nói chung là các vị chỉ được một, hai điều kiện, mà điều kiện một là con vua. Trong trường hợp đó, nếu vua cha có nhiều hoàng tử thì ngai vàng khó vào tay mình.

Hai, nếu mình là con duy nhất nhưng lại bất tài, vô hạnh thì khả năng bị soán ngôi rất lớn.

Ba, nếu mình bất tài, vô đức, vô năng, vô hạnh thì có thể bị người ta cưỡng quyền. Ví dụ như có nhiều vị vua bị đại thần, thái hậu rủ rê nhiếp chính, vua chỉ là bù nhìn, không có thực quyền do không có thực tài, thực lực.

Cho nên trong kinh này Phật dạy: vị hoàng tử, thái tử nào có đủ 5 điều kiện thì mới vững tin là mình nắm được ngai vàng. Nếu thiếu thì khó, vì có thể ngai vàng không đến tay, hay dễ bị soán ngôi, bị cướp quyền, cho làm bù nhìn. 5 điều kiện đó là:

Một, là con vua danh chính ngôn thuận, càng chánh thất càng tốt. Nếu là con rơi, lưu lạc nhân gian đem về thì cũng nguy.

Hai, dung mạo dễ nhìn.

Ba, được cha mẹ thương mến.

Bốn, được lòng dân, triều thần.

Năm, ăn học tới nơi tới chốn, văn võ song toàn.

Cũng vậy, một vị Tỳ-kheo cũng cần có 5 điều kiện sau đây mới có thể hy vọng chứng Thánh ngay trong hiện đời.

Niềm tin nơi Đức Phật

Một, niềm tin nơi Đức Phật.

Tại sao Phật không nói niềm tin Tam Bảo mà nói niềm tin nơi Phật? Tùy đối tượng mà Ngài nói. Có những trường hợp Ngài nói phải có niềm tin vào 5 đối tượng: Phật, Pháp, Tăng, giới luật, pháp môn hành trì. Nhưng có chỗ Ngài nói niềm tin có 3: Phật, Pháp, Tăng. Có chỗ Ngài nói niềm tin có 1: tin vào Đức Phật.

Vì khi mình vững tin vào Phật thì chắc chắn mình sẽ tin vào lời dạy, Tăng đoàn của Phật, đó là chuyện đương nhiên.

Chuyện đầu tiên là tin vào Đức Phật. Rất nhiều bà con cứ ngỡ rằng mình đã hiểu chữ tin Phật ở đây. Nhưng tôi xin nói riêng một chút. Tùy theo parami, túc duyên quá khứ của mình mà chúng ta có niềm tin như thế nào đối với Đức Phật. Chứ đừng tưởng tin suông, trong kinh nói vậy, sư phụ nói vậy, đọc sách thấy vậy thì mình tin vậy. Phải nói mình tin cái gì, kiểu nào, tin được bao nhiêu. Mình có dám vì Phật mà bỏ hết để thực hành lời dạy của Ngài hay không?

Xác định niềm tin rất dễ. Tự hỏi lòng mình tin Đức Phật được bao nhiêu. Mình dám bỏ, chỉ riêng vật chất đó, bao nhiêu phần trăm để thực hành lời dạy của Ngài? Còn về tinh thần, mình có khả năng xả ly bao nhiêu?

Ví dụ như mình giữ giới tí ti là thấy mình bảnh là đã sai rồi. Ngồi thiền hơi lâu, giáo lý biết kha khá một chút, dự vài khóa thiền là thấy mình bảnh. Như vậy cho thấy rằng mình hiểu Đức Phật chưa bao nhiêu hết. Vì Đức Phật ngay trong lúc còn là thái tử,

còn là phàm phu, lúc mới 7 tuổi là đắc sơ thiền. Sau đó, năm 29 tuổi, bỏ ngôi đi xuất gia trong rừng sâu núi thẳm, đắc thiền Phi tưởng phi phi tưởng mà Ngài còn bỏ. Tức là ngai vàng, vợ đẹp con ngoan, 8 tầng thiền hiệp thế còn bỏ. Đến đời mình được ba mớ đã thấy mình hay rồi, nghĩa là niềm tin Phật của mình có vấn đề.

Chưa kể mình là cư sĩ còn tham nữa. Đi làm mà có khả năng kiếm tiền một chút là cứ vui đầu vào miếng cơm manh áo. Nghèo quá thì suốt ngày cứ lo kiếm miếng cơm. Kha khá một chút thì suốt ngày lo sổ sách chi thu, lời lãi, công ty, xí nghiệp, hãng xưởng, nhân viên, đủ hết. Lâu lâu vô chùa cúng một chút mà nghĩ là mình có đức tin thì nên xét lại.

Hôm nay đúng là chúng ta có điều kiện thư viện để làm việc tốt, có các phương tiện hỗ trợ như internet, tàu thuyền, máy bay, xe cộ đi lại. Nhưng người tin Phật như thời Phật thì thời nay đốt đuốc ban ngày tìm không ra. Thời Phật có những người nghe Phật nói một câu họ bỏ hết, dốc lòng theo Phật.

Còn mình bây giờ đi xuất gia có một tí ti, có chút Phật tử là xong. Đi tu có cái chùa nhỏ nhỏ để trụ trì là xong. Có cái danh xưng pháp sư, giảng sư là cả đời chỉ vui đầu trong đó chứ không có nghĩ cái gì xa hơn. Thậm chí già tóc bạc hết, nói cho đã nhưng cũng không có gan bỏ hết vào rừng tu Vipassana.

Một chút vật chất, một chút danh lợi cón con, một chút quan hệ tình cảm thầy trò, sư đồ mà mình còn bỏ không nổi, vậy thì tin Phật là mình tin cái gì? Nên đầu tiên là niềm tin nơi Phật, khó lắm, không phải dễ.

Chúng ta tự hỏi lòng mình: về vật chất chúng ta có thể bỏ bao nhiêu phần trăm cái mình có? Về tinh thần mình có khả năng xả ly được bao nhiêu? Giới, định, tuệ, tri kiến, mình có bao nhiêu ôm chặt bấy nhiêu, không buông được. Mà nếu không có khả năng đó thì đức tin nơi Đức Phật của mình có vấn đề. Dứt khoát như vậy.

Tôi có thể chứng minh luôn. Nếu ai ung thư thời kỳ cuối thì chắc chắn có một nếp sống rất là khác. Chính vì chưa thấy mình đến lúc nguy ngập, mình cũng còn len lén

tin còn lâu lắm mới chết nên mình có kiêu tu, học rất là ầu ơ ví dầu. Như vậy mình còn tin Phật rất là hời hợt, sơ sài.

Vì hôm nay mình không bị ung thư, chắc gì tuần sau, tháng sau, năm sau mình không bị. Bệnh ung thư cũng là một bí mật sinh học. Có khi trong dòng họ rất nhiều người bị nhưng mình không bị, trong dòng họ không ai bị nhưng mình bị. Hoặc là từ khi phát hiện đến 5, 7 năm sau không chết, hoặc từ khi phát hiện đến khi chết chỉ có vài tháng. Nó lạ lắm. Đó là mới nói bệnh ung thư, chưa nói đến tai nạn và vô số các rủi ro hay bệnh khác.

Cho nên có khi niềm tin Phật của mình không bao nhiêu hết. Tiêu chuẩn đầu tiên của vị Tỳ-kheo có thể vững tin mình chứng Thánh đời này là tự xét đức tin của mình với Phật được bao nhiêu và tin kiểu nào.

Khuynh hướng tâm lý của người có thể đắc Đạo có 6 đặc điểm (Acchasaya) sau: ly tham, vô sân, vô si, chán đắm đông, thích một mình, lòng luôn cầu giải thoát. Đây là 6 khuynh hướng của một người có parami ngon lành.

Cho nên hôm nay bà con thấy mình tu hành giỏi, có tí kiến thức Phật pháp, có dự lớp thiền, được thiền sư khen là niệm mạnh, định mạnh, tuệ mạnh... Tôi nói thiệt, mấy cái đó là chưa đủ ăn thua. Tại vì mình phải coi khuynh hướng tâm lý của mình ra sao.

Một là ly tham. Có nhiều người không lụy trong sắc nhưng lụy trong thanh, hay khí, vị, xúc... Có người không lụy trong dục nhưng lụy trong pháp.

Là thích khen, thích hỷ lạc, thích mình giỏi, chìm sâu đắm đuối trong giới hạnh, thấy mình giữ giới. Chỉ có cái giới thôi là đã thấy mình ngon lành, thấy mình ngồi thiền lâu, giới giáo lý là đã thấy mình ngon lành. Đó là khuynh hướng của người đa tham, thích nắm.

Trong khi người có khuynh hướng ly tham là gì? Từ tinh thần tới vật chất, nó là nó, không chìm sâu, không ghim sâu, găm chặt trong đó mới gọi là ly tham. Còn bạ đâu

ôm đó, dính đó, từ tinh thần đến vật chất gọi là tham.

Đời tu của Tỳ-kheo do thiếu thốn nhiều thứ nên nhiều khi dính tới những cái không đáng. Chỉ có một lon đường, hộp sữa mà lòng dứt không nổi. Mà Phật tử không hề biết cái đó. Họ không biết trong tâm tư vị Tỳ-kheo có nhiều cái rối rắm. Xa cha mẹ, có một mình, nhiều khi có một người đàn tín hộ trì là cái tâm dính trong đó. Dính trong người, vật, tiếng tăm, chưa kể đến những cái tào lao, như trụ trì thì dính cái chùa; khá khá hơn thì dính trong giới, định. Ngồi thiền kha khá là coi người ta như rác. Cao hơn một chút là dính chặt vào những thành tựu, thành quả tu học, là thuộc tham. Ly tham là phải ly những cái như vậy.

Còn vô sân là cái gì cũng có thể bỏ qua được hết. Sân là bất mãn. Giận, sợ, khó chịu, bất mãn, ghét cái gì là càng ít càng tốt. Còn tánh dễ hờn giận, tự ái..., kể cả bủn xỉn, keo kiệt cũng thuộc về sân theo như trong Abhidhamma. Còn mình không học thì tưởng nó là tham.

Còn sân là gì? Sân là hay bất mãn, trong quan hệ tình cảm, đời sống vật chất. Nắng không ưa, mưa không chịu, ghét gió, kỵ mù sương, ồn, bụi, nóng, lạnh, dơ, cái gì cũng khó chịu. Người ta biết nó như vậy thì thôi, còn người sân thì lấy đó mà cho là có vấn đề.

Si là không có ý hướng tìm hiểu tới nơi tới chốn, chìm sâu trong cái mình thích, ghét. Là không tự tìm ra ánh sáng để có được một lối thoát. Khi mình chìm sâu trong tham, chìm sâu trong sân cũng có nghĩa là mình chìm sâu trong si. Vì si là nền tảng tâm lý để ta thích cái này, ghét cái kia. Thích là tham, ghét là sân. Đời sống của mình từ lúc trong nôi cho đến khi vô quan tài thì chỉ có thích với ghét thôi, theo đuổi và bất mãn thôi. Trí thức hay ít học chỉ có hai cái đó là theo đuổi và bất mãn.

Kể đến là thích sống một mình, thích sống trầm tư, ngại đám đông. Cuối cùng là luôn có khuynh hướng tâm cầu giải thoát.

Nếu mơ hồ về Tứ đế thì đừng nhận mình là đệ tử Phật. Chuyện đầu tiên là không thấy rằng mọi hiện hữu là khổ, đầu là sự có mặt của 32 tướng tốt hay là một con ruồi. Chỉ có điều là cấp độ khác nhau do nhân duyên khác nhau, cái nhân tốt, cái nhân xấu. Nếu nói cho rõ ràng thì cả hai đều khổ vì đều vô thường hết.

Thứ hai: không chịu thấy rằng thích cái gì cũng là thích trong khổ. Vì sao? Rất logic: mọi thứ là khổ nên thích cái gì cũng là thích trong khổ. Trong căn phòng này mọi thứ làm bằng gỗ, nên tôi thích cái gì trong đây thì cũng là thích đồ gỗ.

Thứ ba: muốn hết khổ thì đừng thích trong khổ nữa.

Nhắc lại thứ nhất, thứ hai, thứ ba. Tôi lấy ví dụ hôn nhân. Muốn bỏ cuộc hôn nhân không ra gì thì phải dứt bỏ được tình yêu trong cuộc hôn nhân ấy. Nếu vẫn cứ tiếp tục nắm níu, ràng buộc mình trong đó thì đời đời chỉ có khổ, sống trong nước mắt, trong máu lệ, trong cuộc hôn nhân thất bại đó. Cho nên chuyện đầu tiên, Khổ đế, ví như cuộc hôn nhân thất bại. Thứ hai, Tập đế, ví như tình yêu trong cuộc hôn nhân thất bại. Thứ ba, muốn bỏ cuộc hôn nhân ấy thì phải có khả năng ly dị. Tu thiền quán ví như ly dị. Xuất gia ví như ly thân. Phải như vậy.

Thứ tư: khi sống bằng ba nhận thức đó nghĩa là đang có mặt trên con đường thoát khổ. Một người không hiểu về Tứ đế thì không thể nào có lý tưởng giải thoát được hết.

Chúng ta dù có đẹp, giàu, khỏe, có tiếng tăm, quyền lực gì đi nữa thì luôn nhớ rằng mọi thứ sẽ có lúc nó bỏ mình hoặc mình bỏ nó. Khi mình xa nó rồi, đi sang một đời sống, một kiếp khác thì đường đi trước mặt nó mịt mù.

Mình chỉ cần định nghĩa lại bốn chữ sau đây là bắt đầu tu được.

Một: ghét là gì?

Hai: thích là gì?

Ba: buồn là gì?

Bốn: vui là gì?

Định nghĩa được bốn chữ này là đã đi được một phần ba đoạn đường tu học rồi.

Thích là sao? Do khuynh hướng tâm lý, tiền nghiệp, môi trường sống mà mình thấy cái đó nó hợp, không hợp với mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, suy nghĩ của mình, thế là mình chìm sâu thích, ghét vào trong đó. Thích, ghét chỉ là do ba yếu tố: khuynh hướng tâm lý, tiền nghiệp, môi trường sống, nó khiến cho mình thích hay bất mãn với điều gì đó.

Mình sinh ra trong đồng phân thì thấy đồng phân là tất cả, là thiên đường, vũ trụ. Mình là con người mà sinh ra ở miền quê bùn lầy nước đọng thì thấy chiếc xuồng ba lá, cây ô rô, dừa nước là thiên đường, là tất cả. Mình sinh ra ở phố thấy ngựa xe, nam thanh nữ tú, nhà cao cửa rộng là tất cả. Chỉ vậy thôi, không có gì hết. Mình sinh ra ở đâu thì thấy ở đó là tất cả.

Phật dạy chúng ta buông được càng nhiều càng tốt, vì ở môi trường nào đi nữa, có lòng thích là đã ràng buộc với sanh tử.

Đó là thích và ghét.

Còn buồn, vui? Có được cái thích là vui, phải chịu đựng cái ghét là buồn. Chỉ vậy thôi. Cho nên nếu mà nhớ câu này: vui là có cái mình thích. Khổ là phải chịu đựng cái mình ghét.

Thích, ghét là gì? Là do ba điều kiện: khuynh hướng tâm lý, tiền nghiệp, môi trường sống. Cứ nhớ hoài cái đoạn này. Có thể hôm nay quý vị không thấm, nhưng ngày mai, tuần sau, tháng sau, năm sau sẽ thấm. Tôi đã gom Phật pháp vào trong mấy dòng cho quý vị dễ nhớ.

Muốn tu thì cứ tự hỏi lòng mình: mình đã hiểu gì về bốn chữ này? Thích, ghét, buồn, vui. Tại sao ta thích, ghét? Có được cái ta thích thì vui, phải chịu đựng cái ta ghét là buồn. Định nghĩa hoài như vậy rồi mình sẽ thấy đời sống này là vô vị. Làm để sống, sống để đi làm... cứ như vậy rồi chờ ngày lăn đùng ra chết.

Cho nên ở đây, điều kiện đầu tiên, tiên quyết để chứng Thánh là phải có niềm tin. Phải biết mình tin cái gì. Không phải lạy Phật là tin.

Thứ hai, vị Tỳ-kheo phải có sức khỏe tối thiểu. Bẩm sinh mình có thể không khỏe, nhưng sau đọc bài kinh này mình phải tự kiểm tra xem. Vì đối với người hiểu đạo thì không đam mê, đắm đuối, thương thích thân này mà phải xem nó như cái xác chết trôi mà mình gặp khi bị chìm tàu trên biển. Mình phải kiếm cái gì đó để tựa vào để lội vào bờ. Nếu đó là cái phao, cái thuyền, xuồng cứu hộ thì quá tuyệt. Còn nếu không có gì hết mà chỉ có một cái xác chết trôi trương sinh nổi lềnh bềnh thì mình cũng phải vịn tạm mà vào bờ, đúng không?

Ở đây cũng vậy. Tuy hành giả được Phật dạy

Thân này lúc sống là 32 thể trước, lúc chết thì là hang ổ của bao nhiêu thứ giòi bọ, vi khuẩn, côn trùng; 10 bất mỹ, 10 hình thức tử thi. Nhưng mình phải dựa vào đó để sống, tu tập phạm hạnh. Nên mình phải chăm sóc cho nó chứ.

Bên Đông y và bên triết Đông, người Tàu họ nói rằng con người mình có hai cái là tiên thiên và hậu thiên. Sức khỏe, nhân dáng, ngoại hình bẩm sinh trời cho, mẹ sinh ra như thế nào, đó là tiên thiên. Hậu thiên là những cái mà chúng ta vun xới, chăm sóc, ăn uống, sinh hoạt, ngủ nghỉ, dưỡng sức cho ra con người, ngoại hình của chúng ta; đó là cái phần mà mình làm, mình chịu trách nhiệm.

Ở đây Đức Phật Ngài dạy rằng điều kiện cần có để đắc đạo là phải có chánh tín, tức là phải siêng học giáo lý, thân cận minh sư thiện hữu, khéo suy tư thì mới có được niềm tin ngon lành nơi Đức Phật. Nếu không thì mình dựa vào đâu để có niềm tin?

Thứ hai, Phật dạy phải có sức khỏe tối thiểu. Không có nghĩa là mình ăn cho mập, mà mình quay lại bài kinh ngày hôm qua nói về năm điều kiện sống lâu: biết cái gì thích hợp và không thích hợp, sinh hoạt hợp lý, ăn uống chừng mực, giới luật phải ok, làm cho mình khỏe mạnh, sống lâu. Đây là chuyện thấy khó tin nhưng khi thực hiện mới biết. Bây giờ mới thấy kinh này giúp cho kinh kia.

Giới luật ở đây phải đọc kỹ mới thấy toàn cấm mình những chuyện làm tổn hại sức khỏe. Ví dụ như sát sanh, nói dối, tà dâm, rượu chè, cờ bạc, lừa đảo... toàn là những chuyện phải tránh. Rồi Đức Phật dạy ngày ăn một buổi, cái lợi lớn lắm. Vì nhu cầu dinh dưỡng mỗi ngày, nếu mình ăn đúng bữa, đúng cỡ, sáng có thể điểm tâm nhẹ, rồi ngày ăn một lần vào buổi trưa là đủ cho 24 giờ. Đủ để sống chứ không phải dư để gánh. Hai cái này khác nhau.

Một vị bác sĩ có nói: thiếu chút đỉnh dễ chữa hơn là dư. Sư bị thiếu thì chỉ cần bỏ ra một đồng là đủ để chữa; còn Sư dư phải tốn tới một trăm đồng để lấy được cái dư trong người ra, vừa tiền bạc, công sức, thời gian, đau đớn. Nên phải nói Đức Phật là một vị thầy thuốc kỳ tài, xuất sắc. Ngài dạy về tâm và dạy về thân nữa, mình sống sao cho khỏe.

Cho nên các vị tỳ kheo muốn có niềm tin về chuyện đắc chứng, chuyện đầu tiên là xác định mình có chánh tín nơi Đức Phật. Chánh tín đó chỉ có được với điều kiện sau đây: gần mình sư thiện hữu, chịu khó học giáo lý, cày xới càng nhiều càng tốt, và khéo suy tư chứ đừng học như vẹt. Niềm tin của mình nơi Phật ngoan lành thì đương nhiên mình sẽ tin vào lời Phật dạy và Tăng đoàn của Ngài.

Thứ hai là mình biết tự giữ sức khỏe. Nếu không có tiên thiên thì phải tạo ra cho có hậu thiên.

Thứ ba là sống trung thực, chân thành. Không dối mình, dối người. Cái này quan trọng lắm. Trung thực, chân thành nghĩa là tự mình xét thấy mình như thế nào, lập tức phát hiện ra, chỉnh sửa liền. Có nhiều người tôi nhận xét thấy là giỏi, nhưng họ không

có được cái này. Chuyện người thì sáng, chuyện mình thì quáng. Mình thấy người ta làm biết là bậy, nhưng mình không có cái gan thấy mình làm điều đó là bậy.

Nên phải trung thực, chân thành với mình và với đời. Mình phải có khả năng thấy: lúc này mình danh lợi hơi nhiều, mình nóng tính, mình thất niệm, thiếu định, phóng dật; lúc này mình hơi hèn, thiếu tầm úy hơn hồi trước... Phải có cái gan, cái trung thực như vậy. Không có cái gan bạch hóa bản thân thì chúng ta không thể đi xa được.

Nên cái thứ ba này là khả năng bạch hóa bản thân.

Thứ tư là phải có trí tuệ quán, thấy được tính sanh diệt. Trí mà nhớ giỏi, hiểu mau chưa đủ, quan trọng là nhớ cái gì, hiểu cái gì. Cái nhớ, hiểu đó có đủ để thay đổi bản thân hay không thì trí tuệ, kiến thức, công phu ấy mới đáng kể.

Chúng ta có giỏi, có kiến thức, đa văn, có niệm, định, tuệ bằng trời đi chẳng nữa nhưng mình phải xét xem những cái giỏi ấy có đủ để mình thay đổi, trở nên khác hơn hay không. Còn nếu có giỏi như trên nhưng không đủ để thay đổi mình trở nên tốt hơn thì có nghĩa là mình chỉ mới là người đi bán đồng nát, ve chai thôi, chứ chưa... hết mức những cái mình đang gánh trên vai.

Ở đây Đức Phật gom gọn lại: trí về tánh sanh diệt là trí quan trọng nhất. Ngay lúc Ngài sắp Nibbana, Ngài kết lại toàn bộ giáo lý trong một câu: “Mọi sự là vô thường, hãy tinh tấn, chớ có dễ dãi.”

Mọi sự vô thường là gì? Nhân quả lành ác, thích ghét, siêu đọa, nhân thiên hay ba cõi sáu đường, tất thấy đều là vô thường. Dù là đồng phân hay tòa lâu đài lừng lững chạm mây mình đang sở hữu thì vẫn là vô thường.

Cho dù là năm, tám giới hay năm thông, tám định, kiến thức của một vị tinh thông Tam Tạng, cũng là vô ngã, vô thường, nay có mai mất. Từ vật chất đến tinh thần, từ đạo đến đời, những gì mình thích, ghét, tất thấy đều vô thường. Phải luôn luôn sống trong nhận thức chặt chẽ, sát sườn như vậy thì mới gọi là có trí sanh diệt.

Còn nếu học giáo lý lâu lâu, tinh thông ba Tạng mà thiếu trí về tánh sanh diệt thì cũng chưa được. Tánh sanh diệt là gì? Có nhiều chữ, là udaya, udayattha, atthamgatha: mặt trời lặn, kết thúc. Trí nhận thức về tánh sanh diệt của vạn vật được xem là đệ nhất trí trong tất cả mọi loại trí, kiến thức.

Kế đến, vị tỳ kheo phải có khả năng tinh tấn. Điều thứ tư là khả năng Tứ Chánh Cần: nỗ lực đối phó với ác pháp chưa sanh và đã sanh; nỗ lực tu tập thiện pháp chưa có và bảo trì thiện pháp đã có cho đừng mất đi. Tứ Chánh Cần.

Như vậy, một là vị đó phải có niềm tin, khả năng chánh tín. Hai, biết tự chăm sóc sức khỏe. Ba, biết trung thực, chân thành, minh bạch hóa bản thân. Bốn, có trí tuệ quán. Trong tất cả trí thì trí nhận biết tánh sanh diệt của vạn hữu là đệ nhất trí trong tất cả các trí. Còn nếu cho dù có tám bằng tiến sĩ, là viện trưởng, hiệu trưởng gì đi nữa mà vùi đầu trong điên đảo mộng tưởng thường, lạc, ngã, tịnh,

... mong cái này bền, luôn tìm cái vui, cái đẹp để thường thức, hưởng thụ thì cũng vứt đi. Phải có trí tuệ về tánh sanh diệt: mọi thứ do duyên mà có, mà mất đi. Chính cái trí này mới đưa mình giải thoát sanh tử.

Tất cả các trí còn lại thì ta vốn có được vô số lần trong quá khứ, mà đến giờ này ta vẫn ngồi ì ở đây. Riêng trí sanh diệt, nếu trong quá khứ ta đã từng có trí này, dù ở cấp độ phàm phu, thì điều này cho thấy rằng cứu cánh giác ngộ không còn xa lắm. Nếu ta có trí tuệ về tánh sanh diệt một cách rõ ràng thì bây giờ chúng ta đã không có mặt ở đây.

Quan trọng lắm quý vị. Tức là nếu có trí này mà chưa tới đâu, thì chúng ta dứt khoát cũng sẽ giác ngộ. Nếu đã có tới nơi tới chốn trong quá khứ rồi thì chúng ta đã chứng Thánh, viên tịch Nibbana rồi.

Còn những trí còn lại, chúng ta đã từng có nhiều lần, lên tới top, tới đỉnh, tới thiên Phi tướng phi phi tướng, có thần thông kêu mây gọi gió, di sơn đảo hải... rất nhiều

lần; làm nhà bác học, khoa học, học giả tinh thông rất nhiều kiếp rồi. Nhưng rồi sao? Bây giờ vẫn còn nằm lì ở đây.

Còn riêng trí về tánh sanh diệt là trí nhận biết về tánh đời hư huyễn, có đó mất đó; mới là trí đệ nhất.

Một hoàng tử có đủ năm điều kiện như trên thì có thể vững tin ngai vàng sẽ trong tay của mình. Còn vị Tỳ-kheo thì cũng phải có năm điều kiện như trên để có thể vững tin là mình sẽ chứng Thánh. Nếu không đời này thì cũng trong tương lai không xa lắm. Năm điều này đã nêu trên.

Về việc chăm sóc sức khỏe

Chúng ta không hưởng thụ lợi dưỡng, vì hưởng thụ lợi dưỡng dẫn chúng ta đến cõi phàm, cõi đọa. Nhưng nếu chúng ta cứ dày đọa thân xác, khắc kỷ kiêng khem đến mức cực đoan thì chúng ta đẩy mình về một hướng không khá gì hơn.

Tây phương có câu: “Một tinh thần sáng suốt chỉ có trong một cơ thể tráng kiện.” Nghĩa là ăn không đủ no, mặc không đủ ấm thì cái đầu khó làm việc, rồi đau nhức, tê mỏi.

Sẽ có người thắc mắc: có vị đắc Thánh trong điều kiện rất ngặt nghèo, sao ở đây lại nói vậy?

Xin thưa có hai chuyện.

Một, trên hình thức thấy người ta ở vào hoàn cảnh ngặt nghèo, nhưng đạo tâm họ đủ bù vào khoản ngặt nghèo nơi thân ấy.

Hai, chúng ta thấy người ta đang bệnh nạn, máu me, nhưng thật ra cái parami hỗ trợ cho họ có sự thoải mái tối thiểu.

Có câu: tâm hỷ lạc tạo ra khinh an; khinh an tạo ra định tĩnh; định tĩnh tạo ra trí tuệ; trí tuệ đưa đến giải thoát. Đây là công thức rất nổi tiếng trong kinh.

Tâm hỷ lạc tạo ra khinh an; khinh an tạo ra định tĩnh; định tĩnh tạo ra trí tuệ; trí tuệ đưa đến giải thoát. Đây là công thức do Phật dạy chứ không phải do tôi chế ra.

Như vậy, một vị Thánh đắc đạo trong lúc ngặt nghèo, theo mắt mình nhìn là giãy giụa, quần quai trong vũng máu, phân, nước tiểu, thấy rất ghê. Nhưng chính cái parami đã cho họ sự hỷ lạc, thoải mái tối thiểu trong lúc đó. Khi họ quán chiếu thân tâm họ đang khổ, đang đau, họ buông được cái vọng chấp. Ngay lúc đó họ có niềm vui. Trên cơ sở của niềm vui ấy, họ có sự thanh thản tối thiểu đủ để trí tuệ, thiền định làm việc, chứng Thánh.

Còn mình thì cứ khư khư vào: một tinh thần ngon lành trong một thể xác trắng kiền. Hiếu như vậy nghèo lắm. Và xin nhắc lại là tinh thần của các vị ấy đủ để bù cho thiếu sót thể lý. Còn chúng ta thì tinh thần của chúng ta chỉ bằng móng tay của các vị ấy nên đừng so sánh.

Cho nên, nhắc lại năm điều kiện để có thể chứng Thánh. Phải nhớ cái này. Dù các vị có thể tự ti mặc cảm về sự yếu kém giáo lý, Phật pháp... nhưng ngay bây giờ, khi anh làm gì biết nấy, thì anh sẽ thấy ra được cái tánh sanh diệt.

Đang đi, nó mỗi, muốn ngồi, thì biết là đang đi, muốn ngồi, đang ngồi. Ngồi mà mỗi lưng, muốn nằm, thì biết là đang mỗi, đang muốn nằm, đang nằm. Khi nằm yên rồi thì tâm theo dõi hơi thở. Ra biết là ra, vào biết là vào. Thở ra bằng sự bức mình thì biết rõ.

Nhưng đừng để chữ “mình”, “tôi” trong đó. Chỉ biết hơi thở đang đi ra, đi vào với tâm trạng bức mình, dễ chịu. Chỉ như vậy thôi thì chưa cần đến giáo lý.

Rồi cái chuyện học giáo lý thì dứt khoát là phải có. Nhưng với người chưa biết gì hết thì bữa nay, chiều nay, trong pháp thoại này, tôi chỉ nhắc chừng đó.

Khi sống chánh niệm, làm gì biết nấy, thì anh có cơ hội để thấy tánh sanh diệt. Tức là mình hồi nãy không phải mình bây giờ. Khi nãy mình vui, dễ chịu, tham; bây giờ

mình khổ, khó chịu, sân. Nãy mình chánh niệm, bây giờ mình thất niệm.

Cứ bao nhiêu đó, mình sống chậm, sống tỉnh thức, có khả năng ghi nhận cái gì đang xảy ra là niệm. Mà cái niệm này kéo dài một thời gian sẽ trở thành thói quen tâm lý. Lúc đó mình dễ dàng thấy ra những chuyện mà trước đây mình không thấy. Niệm yếu thì đừng nói chuyện quán chiếu. Cứ niệm trước, khoan quán cái gì hết.

Từ từ rồi sẽ nhận ra nhiều cái hay, nhưng mà chuyện đầu tiên là phải sống niệm, làm gì biết nấy. Làm việc này đừng nghĩ tới việc khác, là chánh niệm.

Kinh Mục Đích

Bây giờ tôi nói đến kinh Mục Đích, cả hai kinh có nội dung giống hệt nhau.

Một vị hoàng tử muốn có được ngai vàng của vua cha, hay làm phó vương, vice president, thì cũng phải nhờ vào những điều kiện mà mình có.

Bài kinh này có khác một chút. Một hoàng tử có xuất thân tốt, ngoại hình tốt, có tình cảm của phụ vương, mẫu hậu, quân đội hậu thuẫn, tư chất thông tuệ, thì có hy vọng có ngai vàng trong tương lai.

Cũng vậy, một vị Tỳ-kheo có năm điều kiện sau thì có thể tự hỏi lòng mình: ta như vậy thì tại sao không dám hy vọng vào quả vị giải thoát?

Một, có giới thanh tịnh.

Hai, uyên thâm giáo lý.

Ba, tu tập Tứ niệm xứ.

Bốn, tinh tấn bất thoái.

Năm, thường sống trong trí tuệ quán, tức là trí sanh diệt.

Vị Tỳ-kheo có đủ năm điều này thì có quyền hy vọng vào sự chứng đắc giác ngộ.

Nói là như vậy, nhưng trong lúc đang tu tập, hành giả không nên đau đầu mong đợi sự chứng đắc, trông chờ quả vị: “Không biết chừng nào mình đắc? Như vậy đã đắc chưa?” Hai suy nghĩ này là đại kỵ, là không đúng, phải đem ra khỏi đầu mình ngay lập tức. Bỏ ngay và luôn.

Chữ “hy vọng” ở đây là một cách nói. Còn trong thực tế tu chứng thì vị ấy chỉ chuyên tâm với chánh niệm, giới hạnh, với samatha, với vipassana, chứ không có lòng mong chờ, trông đợi sự đắc chứng. Có lòng trông đợi, mong chờ là đã đi sai đường, vì trong Tứ niệm xứ không hề có chỗ nào cho sự nóng lòng, háo hức, trông đợi, mong chờ. Bao giờ đắc thì biết, chứ không trông đợi, mong chờ.

Nên nhớ điều quan trọng này: trước đây khi mình còn sơ cơ, mình có phân biệt rất rõ giữa cảm giác dễ chịu và khó chịu, nực nội và mát mẻ, ấm áp và lạnh lẽo, mình dễ có lòng trông chờ hoặc tổng khứ. Thấy cái gì dễ chịu mình mong nó ở đó hoài, đừng có đi; và ngược lại với cái khó chịu.

Khi còn sơ cơ, mình phân biệt rất rõ: lúc này mình tham, sân, niệm... nhiều. Còn khi ở mức độ rốt ráo, chúng ta không còn phân biệt được cái thiện ác, buồn vui. Không phải là không biết, mà là không thèm nữa, chỉ ghi nhận cái đang có mặt thôi. Tham, sân, vui, buồn, khó chịu, dễ chịu, biết là tham, sân, vui, buồn, khó chịu, dễ chịu.

Nghĩa là sẽ có một ngày hành giả đạt tới cảnh giới tất cả đều là đối tượng để nhìn ngắm, không hề có sự phân biệt chọn lọc, trông chờ nó đến, đi. Dù đó là thiện pháp, sự dễ chịu, ác pháp, sự khó chịu, không còn trông đợi, mong chờ, mà cái nào cũng là cảnh để chúng ta nhìn.

Đến mức độ này thì hành giả hoàn toàn có thể nhờ nhìn tâm bất thiện, nỗi khổ niềm đau mà đắc. Chỗ này đúng là: phiền não tức cảnh Bồ-đề. Có nghĩa là sẽ có một ngày dễ chịu, khó chịu chỉ là cái để mình nhìn, chỉ là hai cọng rác, một màu hồng, một màu đen, không hề có phân biệt, tình cảm, sự chọn lọc đặc biệt nào khi chúng ta nhìn hai cọng rác trôi trên dòng nước. Đen, hồng chỉ là rác đang trôi trước mặt.

Ở đây cũng vậy, sẽ có một ngày thấy rằng cảm giác dễ chịu, khó chịu, tâm thiện, bất thiện đang có mặt. Tất thấy đang có mặt và đang biến mất. Điều này rất quan trọng.

Khi vị Tỳ-kheo, hành giả có được năm điều kiện này thì vị ấy hoàn toàn có thể nghĩ đến, hy vọng về quả chứng mình sẽ đạt được. Hy vọng nghĩa là tin tưởng, khả năng có thể đạt được, để mà ra sức nỗ lực. Là trên lý thuyết.

Còn trên thực tế trong tu chứng, chúng ta không nên nhớ đến chuyện mà chúng ta sẽ đắc cái gì, mà cứ chánh niệm tỉnh giác. Sống minh bạch, trong sáng với chính mình. Mọi sự đang diễn ra như thế nào thì thấy là như vậy. Khi duyên lành parami có đủ rồi thì khi anh thấy được đang muốn đi và đi, đang muốn ngồi và thấy rõ mình đang ngồi, chỉ chừng đó đủ chứng Arahant.

Còn khi duyên thiếu thì có đọc bao nhiêu sách thiền, gặp bao nhiêu thiền sư đi nữa thì cũng không đắc được gì hết khi thiếu parami. Khi parami đầy đủ rồi thì trên nền tảng chánh niệm ấy, trước đây mình thấy nó xuất hiện, nay thấy nó vừa biến mất. Lúc đầu tu chưa cứng thì thấy tham đang có mặt, nhưng đến một ngày mình không phải thấy nó đang có mặt, mà thấy chính xác là tâm tham vừa biến mất và một tâm tham khác hay tâm thiện thế chỗ.

Trí đó trong tiếng Pali là... trí biến diệt, nghĩa là nhìn đâu cũng thấy sự sụp đổ, tan rã hết, vì tốc độ sanh diệt của danh sắc rất là nhanh. Vừa thấy là đã mất rồi. Nên lúc đầu mình thấy như tâm tham đang có mặt, nhưng không phải, vì các tâm tham nối tiếp nhau xuất hiện liên tục, nhưng mình tưởng có một tâm tham nằm yên đó cho mình nhìn.

Và chúng ta cũng không ngờ rằng trong những khoảnh khắc mà chúng ta cho rằng sung sướng cực kỳ đó, thật ra nó có tâm tham, sân, si và có thể có cả tâm thiện xen vào. Nhưng vì quá nhanh và quá ngắn nên chúng ta không thấy.

Tôi nói một chuyện để bà con có thể hình dung: mình thấy pháo hoa trên trời, người ta bắn một lúc năm, bảy chùm lên, mình thích màu nào sẽ chú ý màu đó mà thôi, mà

mình quên rằng khi một chùm ánh sáng tỏa ra và rơi xuống thì có đủ màu trong đó. Hay cái quạt máy có ba, bốn cánh, khi quay nhanh thì mình chỉ thấy một cái quầng mờ chứ không thấy rõ ràng từng cánh riêng rẽ. Nó đang xoay nối tiếp nhau đi tới.

Khi mình có cái trí về tánh sanh diệt trong vạn hữu như vậy thì mới thấy Phật, trong bốn mươi lăm năm từ lúc Ngài thành đạo dưới gốc Bồ-đề đến khi viên tịch thì Ngài sống trong nhận thức thường trực như vậy.

Ngài luôn luôn thấy mọi thứ đang biến mất, biến mất. Ngài nhìn thấy cái này, kia cũng đang biến mất, nhưng mấy cái đang biến mất nó không biết rằng nó đang biến mất. Vì lòng đại bi nên Ngài mới dạy rằng: con đang biến mất, con đừng ảo vọng, điên đảo mộng tưởng, tin cậy vào cái gì có, còn. Mọi thứ do duyên mà có.

Suốt bốn mươi lăm năm hoằng đạo, Ngài luôn sống trong nhận thức như vậy, luôn thấy mọi thứ đang biến mất, biến mất. Và hôm nay chúng ta cũng vậy, khi chúng ta sống trong trí đó. Quý vị có thể ngạc nhiên: sống trong đó được cái gì? Có ba lợi ích.

Một, không tiếp tục ôm ấp cách đại khờ cái không thể ôm ấp. Mà ôm cái không thể ôm, một ngày nào đó phát hiện ra mình sẽ đau dữ lắm.

Hai, được hiện tại lạc trú.

Và ba, nếu đủ duyên lành, chúng ta sẽ chứng Thánh.

Còn nếu chưa đủ duyên lành thì chúng ta cũng được lợi ích một và hai. Phúc thay cho kẻ nào có càng ít cái để ôm.

Có hai câu cần ghi nhớ: học Phật, tu theo Phật là phải buông hết những thứ mình vẫn thích ôm. Nếu thấy mình ít có khả năng buông bỏ thì nên hạn chế sở hữu những thứ khó bỏ.

Bây giờ tôi năm mươi tuổi rồi, có cho cái gì tôi cũng đem đi làm phước hết. Không phải tôi khoe hay, bổ thí, tu hành tinh tấn, mà do tôi biết trước là sẽ rất đau lòng khi

ra đi mà để lại quá nhiều thứ, đặc biệt là để lại cho những người tôi không quen biết hay là thấy họ không xứng đáng. Tôi không cam tâm, đành lòng.

Ví dụ chiều nay xe cứu thương mang tôi vô bệnh viện mà tôi để lại mấy cái tượng Phật, cái tủ Đại Tạng Nam Truyền, tôi để lại cho ai? Mặc dù tôi đã tính rồi, những thứ đó là sẽ chuyển hết về Myanmar. Nếu mà gấp quá, tôi chưa tạo được chỗ nào cho hành giả Việt Nam thì tôi sẽ chuyển hết vô học viện Shitagu hay là trường đại học... ở Yangon, tôi cúng cho họ. Họ sẽ nhận liền. Còn nếu đã tạo được một chỗ thì tôi sẽ rước hết về tôn trí ở đó, tại thiền đường Việt Nam tại Myanmar.

hay, bố thí, tu hành tinh tấn, mà do tôi biết trước là sẽ rất đau lòng khi ra đi mà để lại quá nhiều thứ, đặc biệt là để lại cho những người tôi không quen biết hay là thấy họ không xứng đáng. Tôi không cam tâm, đành lòng.

Ví dụ chiều nay xe cứu thương mang tôi vô bệnh viện mà tôi để lại mấy cái tượng Phật, cái tủ Đại Tạng Nam Truyền, tôi để lại cho ai? Mặc dù tôi đã tính rồi, những thứ đó là sẽ chuyển hết về Myanmar. Nếu mà gấp quá, tôi chưa tạo được chỗ nào cho hành giả Việt Nam thì tôi sẽ chuyển hết vô Học viện Sitagu hay là trường đại học... ở Yangon, tôi cúng cho họ. Họ sẽ nhận liền.

Còn nếu đã tạo được một chỗ thì tôi sẽ rước hết về tôn trí ở đó, tại thiền đường Việt Nam tại Myanmar.

Có những bức tượng rất đẹp, có đủ Nam Truyền Đại Tạng. Nếu không xong thì tôi sẽ trở lại người chăm sóc tôi ở bệnh viện là chuyển hết về Sitagu, là đại học thứ hai của Phật giáo tại Sagaing, Mandalay. Phải như vậy chứ tôi không muốn mơ hồ về số phận của những thứ mà tôi quý mến cả đời, không biết đi về đâu thì rất uổng, tuy giá trị vật chất không bao nhiêu.

Các tượng Phật và tủ sách của tôi rất nhiều. Chỉ riêng sách tiếng Việt, nguyên một bộ A Tỳ Đạt Ma Tỳ Bà Sa Luận, Câu Xá Luận, Du Già Sư Địa Luận, ... Luận, rồi nguyên bộ Đặc San Tư Tưởng Vạn Hạnh, Mật Giáo Toàn Tập tiếng Hán, Nhật.

Tôi chủ trương đi đâu chỉ mang hình Phật trong phone, iPad thôi, nhưng trứ xứ của tôi luôn có những bức tượng hoành tráng. Đối với những cái không có khả năng buông bỏ thì hãy hạn chế sở hữu những thứ khó buông bỏ.

Chiều nay trong room này, tôi mong những ai có lòng tu nhiệt tình nên ghi nhận mấy câu nói này.

Một, đừng để mình chết trong sự sợ hãi và tiếc nuối, thay vào đó nên chết trong sự thanh thản, hay tệ lắm thì trong sự chán chường.

Hai, nếu khả năng buông bỏ của mình quá kém thì nên hạn chế sở hữu chúng.

Nên nhớ nắm lòng vì có bao nhiêu thầy bà, bạn bè hộ niệm vẫn không bằng mấy câu này. Một vị Tỳ-kheo thành tựu được những điều này dứt khoát phải có...

Qua kinh khác: Kinh 137. Ngủ rất ít

Trên đời này, những kẻ thao thức trăn trở thì nhiều. Do nhìn vào thâm tâm, khuynh hướng tâm lý của những người trước mặt mà Đức Thế Tôn chỉ kể có năm hạng người.

Chứ ở một chỗ khác thì Ngài nói khác. Lý do mất ngủ thì nhiều: bệnh hoạn, oán thù, sợ hãi, ghen tuông, sợ ma, muỗi nhiều, nóng nực, lạnh quá, ồn quá... Nhiều lắm, nhưng ở đây Ngài chỉ kể năm trường hợp ít ngủ: nữ nhớ nam, nam nhớ nữ, ăn trộm phải thức đêm, vua lo quốc sự, vị Tỳ-kheo chán sợ sanh tử, một lòng cầu giải thoát. Đó là trên mặt nổi của bài kinh.

Nội dung sâu của bài kinh là: khi chúng ta không có chuyện để lo thì mới có nhiều nhu cầu tâm sinh lý. Còn khi có chuyện quan trọng để lo thì sẽ bớt, lơ đi những nhu cầu khác. Đây là công thức bằng vàng.

Ăn, ngủ, đi chơi, mua sắm, thưởng thức, du lịch... ai cũng thích. Vậy nhưng cũng có những người không ngủ được, là năm trường hợp nêu trên. Gom gọn lại là khi ta có

cái để lo, quan tâm thì ta sẽ bớt dần những mối quan tâm khác, nó nhỏ, nhẹ, kém quan trọng đi.

Tại sao quý vị nói với tôi là muốn ngồi thiền, muốn học Pali, Abhidhamma, giáo lý mà không dành được thời gian? Tại vì quý vị chưa xem những thứ đó là quan trọng. Trong khi lại có quá nhiều thời gian để tám, tán gẫu, nói dóc, coi phim, rong ruổi phố phường mua sắm, ngắm nghía, online đọc tin, Facebook hàng giờ.

Mà tại sao mình không dành được nhiều thời gian cho Phật pháp? Là vì Phật pháp chưa được mình coi là nhu cầu số một, ưu tiên một, cho nên mình nói không có thời gian.

Bài kinh này là tiếng chuông nhắc nhở mình nhìn lại bản thân, xem coi mình có thuộc dạng mất ngủ này hay không. Đừng khư khư chấp vào năm hạng này, mà mình phải nghĩ rộng, sâu xa, linh động hơn. Đó là khi ta có mối quan tâm lớn thì ta sẽ bỏ bớt đi những chuyện râu ria, lật vặt, không đáng kể.

Bây giờ chúng ta học thêm hai bài kinh cuối cùng.

Kinh 138

Nguyên đoạn số một của Kinh 138, nếu dịch theo tiếng Pali thì rất gọn:

Con voi nhà mắc phải năm lỗi này, nuôi ăn thì tốn cơm, nhốt trong chuồng trại thì tốn chỗ. Lát nữa khi nói về vị Tỳ-kheo thì gọi là giá áo, túi cơm, nghĩa là dài lưng tốn vải, ăn no lại nằm. Vị sư mà tào lao thì vải làm y tốn gấp mấy lần người đời.

Năm lỗi đó là gì? Là thiếu khả năng chịu đựng trong năm trần cảnh. Khi gặp cái thích, ghét thì không tự chủ kiểm soát được. Nghĩa là loài thú cũng có nhu cầu nam nữ như con người. Có những con chó đến mùa giao phối nó bỏ đi biên biệt, là không được. Con thú khôn phải có khả năng tự chủ trong mọi tình huống. Nó phải có khả năng chịu đựng cái nó ghét, thích.

Những con chó được training đúng mức thì người lạ cho ăn nó sẽ không ăn. Khi đang tấn công một đối tượng mà nghe lệnh chủ kêu dừng là nó dừng. Nó không có thích, ghét trong lòng mà chỉ có chủ. Chủ kêu tấn công, ngừng thì nó làm theo. Đó là chó khôn. Chuyện post clip dạy chó thành công lên Facebook. Khi cần thì con chó trở thành con robot cho chủ sai khiến theo lệnh chủ.

Ở đây cũng vậy, một con voi nhà mắc năm lỗi này thì không dùng được. Khi nó nghe, thấy, ngửi, ăn, xúc chạm mềm cứng, nóng lạnh mà không có khả năng tự chủ kiểm soát được thì con voi đó không xài được.

Nó to như cái núi, ngôi nhà mà thiếu kiểm soát thì quá nguy hiểm. Nên một con voi được thuần hóa tốt thì dù có thấy, nghe, ngửi... gì đó, thì nó phải luôn có khả năng tự chủ, tự kiểm soát, kềm chế, thì mới đáng để cho vua sử dụng. Nếu không thì quá nguy hiểm cho nhà vua khi ngồi trên lưng con voi ấy.

Nếu khi nó thấy, nghe cái gì mà bỏ chạy, hay đi ngang hồ sen thì thích quá tự xuống hồ chơi thì còn gì ông vua ngồi trên lưng voi? Con voi ấy cũng không được kén ăn, phải thích nghi với mọi hoàn cảnh. Con voi thuần hóa tốt trong đầu chỉ có chủ, không có vấn đề thích hay ghét, ngon, dở.

Có một giai thoại thế này: trong một tiền kiếp xưa, nhà vua được tặng cho con voi quý, ngàn năm có một. Vua giao cho một người huấn luyện voi cực giỏi để huấn luyện. Sau một thời gian, vua hỏi con voi ra sao rồi. Ông nài voi trả lời:

“Nó đã đủ ngoan cho thần hài lòng, kêu gì làm nấy. Ví dụ như kêu đứng ba chân, hai chân, một chân, quỳ, tung hứng... đều làm được.”

Vua nhìn lò sưởi đang cháy và hỏi:

“Nó có sợ chết không?”

Ông trả lời là không, vì nó là voi quý, nó chỉ biết có chủ. Vua nói:

“Hãy thử lấy hòn sắt nung đỏ rồi kêu nó bỏ vô miệng coi sao.”

Ông nài đau lòng vì thương con voi như con, nhưng lệnh vua kêu nên ông cho nung hòn sắt đỏ rồi ra lệnh cho con voi. Con voi nhỏ nước

Nước mắt hai hàng rồi dùng vòi gắp hòn sắt nóng đỏ bỏ vô miệng nuốt, rồi nó lăn ra chết. Hòn sắt nóng đỏ phá nát lục phủ ngũ tạng của con voi.

Con voi đó chính là tiền thân của ngài Maha Kassapa. Ông nài là tiền thân của Bồ-tát Di Lặc, đây là câu chuyện tôi đọc trong phụ luận. Ngài Maha Kassapa giờ đã Nibbana. Còn Bồ-tát Di Lặc sau này sẽ thành Phật.

Do sự bất khả tư nghì của nghiệp khiến cho một phần xá lợi của ngài Maha Kassapa nằm trong một hang núi nào đó. Chờ khi ngài Di Lặc thành Phật đi ngang thì một phần xá lợi đó sẽ bay ra, tấp vô chân ngài làm thành một vết thương khiến ngài bị trọng bệnh. Đó không phải là sự oan trái mà là nghiệp nó khiến như vậy.

Đây là câu chuyện của đời sau tôi chưa có dịp xác minh, tôi chỉ ghi nhận một điểm là còn trong cõi sanh tử thì còn bao nhiêu thứ tội khổ nghĩ tới mà rùng mình. Khi thấy hay nghe nói cảnh gia đình mẹ chồng ăn hiếp nàng dâu, trước mắt thì họ nhin, nhưng cô dâu hiền thì đau lòng, khóc thầm; dâu không hiền thì cột oan trái. Đời sau đừng trách là sanh ra làm Võ Tắc Thiên, Từ Hi... đuổi tận giết tuyệt. Đời này có những oan trái tàn khốc là do đời trước có nhân tương ứng.

Quay lại bài kinh này, một con voi không có khả năng tự chủ, thiếu kiểm soát trước cảnh trần thì không xài được.

Một vị Tỳ-kheo không có đủ những khả năng kham nhẫn, tự chủ trước năm trần dục như nói trên thì không xứng đáng là một Tỳ-kheo mà chỉ là người giá áo túi cơm.

Nghe thì rất đơn giản, nhưng nếu hỏi rằng toàn bộ Phật pháp dạy điều gì? Thì tôi trả lời: toàn bộ Phật pháp dạy một điều là khả năng tự chủ, kiểm soát trước sáu trần,

không để mình phải theo đuổi hay bất mãn trước bất cứ trần nào. Đó chính là nội dung Phật pháp.

Chúng ta bị đau khổ sanh tử trong ba cõi sáu đường từ vô lượng kiếp cũng chỉ vì buông trôi thả nổi sáu thức của mình cho nó chạy theo sáu trần, thích ghét, trốn khổ tìm vui, làm thiện, làm ác, đọa siêu, lên xuống, thăng trầm, quần quanh trong ba cõi sáu đường.

Bài kinh này thấy nhẹ nhưng nội dung rất là sâu. Toàn bộ nội dung của cuộc tu là nhằm vào khả năng kiểm chế, kiểm soát, tự chủ mình trước sáu trần.

Kết thúc bài giảng